TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hứa Văn Nghiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Xuân Thuỷ.

Ông Trần Quang Chiến.

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lành Thị Thanh Nụ – Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Đào Ngọc Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên toà số 01/2025/TB-TA ngày 15 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Luân Thị N, sinh năm 1991; cư trú tại: Thôn A, xã K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020191005177 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 08 tháng 5 năm 2021; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Quốc T, sinh năm 1989; cư trú tại: Thôn A, xã K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020090009328 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 08 tháng 5 năm 2021; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Nông Thị T1 là Trợ giúp viên Pháp lý của Trung tâm T2, Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Đường Thị P, sinh năm 1968; cư trú tại: Thôn A, xã K, tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân số: 020168006825 do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ C cấp ngày 08 tháng 5 năm 2021. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn đề ngày 07 tháng 10 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Luân Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Quốc T có được tự nguyện tìm hiểu nhau. Vợ chồng tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 12 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau bình thường. Từ năm 2021, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, đánh nhau. Nguyên nhân là do anh Phạm Quốc T thường xuyên uống rượu say, đánh đuổi chị, đốt quần áo và do con còn nhỏ, chị chưa thể đi làm, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Nhận thấy không thể tiếp tục chung sống và để có thể kiếm thêm thu nhập nên từ năm 2022, chị đi làm ăn xa cho đến nay. Từ đó đến nay, chị không trở về nhà lần nào, cũng không liên lạc với anh Phạm Quốc T. Chị xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Chị không còn tình cảm với anh Phạm Quốc T. Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quốc T.

Về con chung: Chị và anh Phạm Quốc T có 01 (một) con chung là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, con đang ở cùng anh Phạm Quốc T. Khi ly hôn, chị yêu cầu anh Phạm Quốc T là người được trực tiếp nuôi con chung. Chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời điểm bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2025.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Quốc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc tìm hiểu, kết hôn như chị Luân Thị N trình bày. Năm 2020, chị Luân Thị N đi làm việc tại tỉnh Cao Bằng và có quan hệ tình cảm (ngoại tình) với người khác (anh không biết họ tên, địa chỉ), người này có gửi ảnh tin nhắn tình cảm, hình ảnh ôm ấp giữa người này và chị N cho anh. Trong thời gian chị Luân Thị N đi làm tại tỉnh Cao Bằng, chị N không về nhà lần nào. Sau đó, chị Luân Thị N đi làm tại tỉnh Bắc Ninh cho đến nay. Trong thời gian chị Luân Thị N đi làm tại tỉnh Bắc Ninh, chị N có về nhà 01 (một) lần vào dịp Tết Nguyên đán năm 2022. Sau khi ăn Tết xong, thì chị Luân Thị N đi luôn, không trở về nhà lần nào nữa. Từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay, vợ chồng chưa nói chuyện, chưa tự hoà giải, hàn gắn tình cảm, hai bên gia đình cũng không biết mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Trong thời gian từ năm 2020 cho đến nay, vợ chồng rất ít khi liên hệ với nhau. Do bận công việc và không biết nơi ở, nơi làm việc của chị Luân Thị N nên anh cũng chưa bao giờ đến nơi ở, nơi làm việc của chị N để tìm chị N. Trong thời gian chung sống, anh có 01 (một), 02 (hai) lần uống rượu say và đánh chị Luân Thị N. Anh cho rằng vợ chồng không chung sống với nhau do điều kiện công việc của chị Luân Thị N phải đi làm xa, không phải là ly thân. Nay, anh xác định vẫn còn tình cảm với chị Luân Thị N. Anh không đồng ý ly hôn với chị Luân Thị N. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Anh và chị Luân Thị N có 01 (một) con chung là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Hiện nay, con đang ở với anh. Trong trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu của chị Luân Thị N, chị Luân Thị N được ly hôn với anh thì anh yêu cầu là người được trực tiếp nuôi con chung. Chị Luân Thị

N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung và cho vay chung: Không có.

Người làm chứng bà Đường Thị P cho rằng từ khi chị Luân Thị N đi làm xa vào năm 2020 cho đến nay, chị N chỉ trở về 01 (một) lần vào dịp Tết Nguyên đán năm 2022. Sau đó, không trở về nhà lần nào nữa, thỉnh thoảng anh Phạm Quốc T có gọi điện thoại cho chị Luân Thị N để bảo chị N về nhà nhưng chị N không về. Chị Luân Thị N thỉnh thoảng có gọi điện cho bà để hỏi thăm về cháu Phạm Anh M. Bà không hỏi lý do nên không biết vì sao chị Luân Thị N không về nhà. Theo bà, tình cảm vợ chồng giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T không thể hàn gắn được nữa.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành phiên họp hoà giải để chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T. Tuy nhiên, chị Luân Thị N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với anh Phạm Quốc T. Anh Phạm Quốc T không đồng ý ly hôn với chị Luân Thị N. Nhưng anh Phạm Quốc T không có biện pháp nào để có thể hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Luân Thị N vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, chị Luân Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh Phạm Quốc T không đồng ý ly hôn với chị Luân Thị N. Anh xác định có được đánh chị Luân Thị N khoảng 02 (hai) lần. Anh có được đốt 01 (một) chiếc áo của chị Luân Thị N. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ năm 2022 đến nay, anh và chị Luân Thị N không có liên lạc với nhau do chị N đã chặn liên lạc với anh; vợ chồng không chung sống với nhau; anh không còn về bên ngoại vào dịp Tết Nguyên đán nữa. Trong trường hợp Toà án chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Luân Thị N thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Chị Luân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Luân Thị N không phải trả lãi nếu chậm trả số tiền cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định, vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng: Hôn nhân của các bên là hợp pháp, được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 01 (một) con chung là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Trong suốt quá trình chung sống, giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn chủ yếu xuất phát từ bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, kinh tế, nuôi dạy con. Mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, không kéo dài liên tục, không thể hiện việc đời sống chung không thể tiếp tục. Không có căn cứ xác định một bên vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không đồng ý ly hôn, thể hiện bị đơn vẫn còn tình cảm vợ chồng, vẫn mong muốn đoàn tụ, hàn gắn đồng thời có thiện chí khắc phục mâu

thuẫn, thay đổi hành vi, khắc phục những sai lầm trong hôn nhân để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc, điều này cũng được thể hiện trong lời khai của người làm chứng thể hiện bị đơn thường xuyên gọi cho chị Luân Thị N để bảo chị nga về nhưng chị N không về. Như vậy, cho thấy bị đơn vẫn mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình.

Nguyên đơn không chứng minh được tình trạng hôn nhân trầm trọng: Không có tài liệu, chứng cứ thể hiện hành vi bạo lực gia đình, ngoại tình nghiêm trọng, hoặc xâm phạm nghiêm trọng danh dự, nhân phẩm. Các mâu thuẫn nêu ra mang tính chủ quan, cảm xúc cá nhân, chưa được xác minh rõ ràng, không có tài liệu kèm theo. Đời sống chung giữa anh Phạm Quốc T và chị Luân Thị N vẫn có khả năng kéo dài. Hiện nay, hai bên không chung sống với nhau, xác định là ly thân do hoàn cảnh khách quan do chị N đi làm công ty tại tỉnh Bắc Ninh để kiếm tiền trang trải cuộc sống. Chính nguyên đơn cũng thừa nhận điều này. Bị đơn vẫn quan tâm, chăm sóc gia đình, có trách nhiệm với con cái. Mục đích hôn nhân vẫn có thể đạt được, con chung vẫn đang cần sự chăm sóc đầy đủ của cả cha và mẹ. Một đứa trẻ lớn lên trong gia đình đầy đủ cha mẹ và tình yêu thương sẽ là nền tảng phát triển toàn diện và đầy đủ nhất, quyền lợi của trẻ em cũng được đặt lên hàng đầu. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn thể hiện rõ mong muốn đoàn tụ, xây dựng gia đình ổn định, bền vững. Do đó, chưa đủ cơ sở pháp lý để chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Từ những phân tích nêu trên, nghị Hội đồng xét xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn. Tạo điều kiện để các bên tiếp tục hòa giải, đoàn tụ, khắc phục mâu thuẫn. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và lợi ích tốt nhất của con chung.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Đương sự đã chấp hành đúng quy định và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình đầm ấm, hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống hàng ngày giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T đã xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện anh chị không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng xảy ra xung đột cãi vã, không quan tâm đến nhau, vì thế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Bà Đường Thị P là mẹ đẻ của anh Phạm Quốc T cũng có ý kiến giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T có mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Thấy rằng, cuộc hôn nhân này không còn đem lại hạnh phúc cho hai bên, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị áp dụng các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Toà án

nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn với anh Phạm Quốc T của chị Luân Thị N.

Về con chung: Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con, căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đề nghị giao con chung cho anh Phạm Quốc T được trực tiếp nuôi. Chị Luân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Luân Thị N không phải trả lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị Luân Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Do đương sự xác định không có nên không đề nghị xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người làm chứng vắng mặt tại phiên toà nhưng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và người làm chứng theo quy định của Điều 227, Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Khi kết hôn đảm bảo các điều kiện về kết hôn và có Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã T, tỉnh Lạng Sơn) cấp ngày 31 tháng 12 năm 2015. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Do quan hệ hôn nhân giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Luân Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Do đó, xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tình trạng hôn nhân: Sau khi kết hôn, sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không hoà hợp. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Từ khi ly thân đến nay, vợ chồng không còn sống chung với nhau, không có quan hệ tình cảm, không có sự quan tâm lẫn nhau, ai sống ra sao thì sống. Vợ chồng không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vợ chồng không liên lạc được với nhau. Ngoài ra, anh Phạm Quốc T thừa nhận có được đánh chị Luân Thị N, có được đốt 01 (một) chiếc áo của chị Luân Thị N. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T không có tình nghĩa vợ chồng. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Quốc T của chị Luân

Thị N. Do đó, ý kiến của bị đơn và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa phù hợp với tình trạng hôn nhân giữa chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T nên không được chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T cùng xác định có 01 (một) con chung là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Cháu Phạm Anh M có nguyện vọng được ở cùng anh Phạm Quốc T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con. Hội đồng xét xử giao con chung cho anh Phạm Quốc T được trực tiếp nuôi.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Phạm Quốc T yêu cầu chị Luân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng/tháng nếu yêu cầu xin được ly hôn của chị Luân Thị N được Toà án chấp nhận. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi con đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Luân Thị N không phải trả lãi nếu chậm trả số tiền cấp dưỡng nuôi con. Chị Luân Thị N đồng ý với yêu cầu của anh Phạm Quốc T. Hội đồng xét xử thấy rằng mức cấp dưỡng, thời điểm cấp dưỡng, thời hạn cấp dưỡng, nghĩa vụ chậm trả tiền cấp dưỡng mà các bên đã thống nhất với nhau là phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, nợ chung và cho vay nợ chung: Do các đương sự cùng xác định không có. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Luân Thị N là nguyên đơn nên phải chịu án phí phí ly hôn sơ thẩm theo quy định. Chị Luân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, Điều 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Luân Thị N được ly hôn anh Phạm Quốc T.

2. Về con chung:

Chị Luân Thị N và anh Phạm Quốc T có 01 (một) con chung là cháu Phạm Anh M, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2016. Anh Phạm Quốc T là người được trực tiếp nuôi cháu Phạm Anh M.

Chị Luân Thị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng với mức cấp dưỡng là 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/tháng. Thời điểm cấp dưỡng từ tháng 12 năm 2025 cho đến khi cháu Phạm Anh M đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Luân Thị N không phải trả lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng nuôi con.

Chị Luân Thị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh Phạm Quốc T cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Luân Thị N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Luân Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chị Luân Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Luân Thị N phải chịu tổng số tiền án phí là 600.000 đồng (sáu trăm nghìn đồng), nộp vào ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000603 ngày 22 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn. Chị Luân Thị N còn phải nộp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS Khu vực 1 - Lạng Sơn;
- UBND X. Thiện Hoà, T. Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hứa Văn Nghiệp